

TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT ĐẦU TƯ 2014 TỚI VIỆC THU HÚT NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Phùng Ngọc Tùng*

Ngày nhận: 18/9/2015

Ngày nhận bản sửa: 20/11/2015

Ngày duyệt đăng: 25/11/2015

Tóm tắt:

Bài viết tập trung nêu ra những cải cách căn bản về thủ tục đầu tư, trong đó nhấn mạnh việc minh bạch danh mục đầu tư kinh doanh có điều kiện, danh mục lĩnh vực cấm đầu tư, rút ngắn thời gian xem xét dự án đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong thủ tục đầu tư với dự án đầu tư nước ngoài. Từ đó, nêu lên mối quan hệ giữa những cải cách thủ tục đầu tư với việc thu hút nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài trong việc phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư. Bên cạnh đó, bài viết cũng đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa những cải cách mới của pháp luật về đầu tư và giải pháp thu hút nguồn vốn FDI trên cơ sở một số vướng mắc còn tồn tại về xác định tư cách nhà đầu tư nước ngoài, cung cấp thông tin khi chuyển đổi dữ liệu, sự phối hợp chưa thực sự linh hoạt giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong quản lý đầu tư

Từ khóa: Luật Đầu tư, môi trường đầu tư, thủ tục đầu tư, thu hút nguồn vốn FDI

The impacts of the 2014 Investment Law on attracting foreign direct investment to Vietnam Abstract

The paper focuses on illustrating the fundamental reforms in investment procedure in the 2014 Investment Law. This includes increased transparency through the creation of a list for conditional business activities and prohibited business activities, shortened approval time for investment projects and technology application in investment procedure for foreign projects. By examining these features, the paper points out the impacts of the reforms in investment procedure on attracting foreign capital with the goal of economic development and improved investment environment. The paper also suggests some changes that can be made to further improve the legal system for investment and to attract more FDI to Vietnam. These suggestions are based on the existing problems in determining the legal status of foreign investors, in providing information for data transferring and in the cooperation among state agencies in investment management.

Key words: Investment law, investment environment, procedures for investment, attracting FDI capital.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam hiện nay đang ngày càng hội nhập sâu và rộng vào nền kinh tế toàn cầu thông qua việc ký kết, gia nhập vào các liên minh kinh tế, hiệp định thương mại tự do với các nước như tham gia vào cộng đồng chung kinh tế AEC, Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam- Hàn Quốc, FTA Việt Nam- EU và gần đây nhất là đã kết thúc đàm phán gia nhập Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Trong bối cảnh đó, Việt Nam đang hết sức nỗ

lực cải cách thể chế, môi trường đầu tư để có thể tận dụng được lợi thế của quốc gia, thu hút được nhiều hơn nguồn lực từ bên ngoài.

Trong số các nguồn lực từ bên ngoài tác động đến sự phát triển kinh tế cũng như vị thế quốc gia đó là nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI). Thế nhưng, cuộc cạnh tranh thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài trên thế giới và khu vực đang diễn ra rất gay gắt khi mà các quốc gia trong khu vực có sự cải cách mạnh mẽ môi trường đầu tư theo hướng tự do

hóa đầu tư, thương mại. Do đó, Luật Đầu tư 2014 ra đời đã thể hiện chính sách ưu đãi, khuyến khích có tính cạnh tranh cao hơn so với các nước trong khu vực, tạo môi trường đầu tư kinh doanh công bằng, minh bạch hơn cho nhà đầu tư nước ngoài.

Vì vậy, trong bài viết này, tác giả sử dụng phương pháp thu thập thông tin, phân tích và so sánh đối chiếu số liệu về tình hình thu hút nguồn vốn FDI nhằm chỉ ra mối quan hệ cũng như tác động của việc thu hút nguồn vốn FDI với những cải cách mới về đầu tư được quy định trong Luật Đầu tư 2014. Đồng thời, bài viết nêu lên những vướng mắc còn tồn tại và đưa ra một số khuyến nghị nhằm giúp cho Việt Nam duy trì được vị thế là một ngôi sao sáng trong việc thu hút nguồn vốn FDI trên thế giới.

2. Những quy định mới về thủ tục đầu tư trong Luật Đầu tư 2014

Ngày 26 tháng 11 năm 2014, Quốc hội đã ban hành Luật Đầu tư 2014 với những cải cách về thủ tục đầu tư được áp dụng chính thức từ ngày 1 tháng 7 năm 2015. Ngoài mục đích tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho nhà đầu tư nước ngoài cũng như nhà đầu tư trong nước trong việc thành lập, hoạt động đáp ứng việc thu hút một lượng lớn nguồn vốn FDI giúp phát triển kinh tế quốc gia.

Thứ nhất, tách nội dung đăng ký kinh doanh ra khỏi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Theo cải cách này, quy trình thành lập doanh nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài sẽ thuận lợi hơn do đã bãi bỏ yêu cầu cấp giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để tách bạch hoạt động đầu tư theo dự án với hoạt động đăng ký kinh doanh. Theo đó, sau khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh như nhà đầu tư trong nước.

Thứ hai, có sự thay đổi mạnh thông qua quy định minh bạch Danh mục lĩnh vực cấm đầu tư, Danh mục đầu tư kinh doanh có điều kiện nhằm đảm bảo thực hiện việc thể chế hóa Hiến pháp 2013 theo nguyên tắc quyền tự do kinh doanh của công dân trong các ngành, nghề mà luật không cấm (Quốc hội, 2013, Điều 33). Việc tập hợp, rà soát và quy định cụ thể Danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư 2014 theo phương pháp chọn bỏ đã góp phần đổi mới căn bản nguyên tắc áp dụng luật cũng như bảo đảm được quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp (Đỗ Nhất Hoàng, 2015). Từ việc nhà đầu tư chỉ

được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật cho phép sang nguyên tắc được tự do đầu tư kinh doanh tất cả các ngành, nghề mà Luật này không cấm hoặc quy định phải có điều kiện.

Cùng với đó, trên cơ sở rà soát 386 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành, Luật Đầu tư 2014 đã quy định cụ thể danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh theo nguyên tắc: “Bãi bỏ một số ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện không cần thiết, không rõ mục tiêu quản lý nhà nước hoặc bị trùng lặp, đồng thời bổ sung một số ngành, nghề cần thiết; cập nhật, chuẩn xác tên gọi một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và hệ thống hóa các ngành, nghề theo nhóm lĩnh vực thay vì theo bộ, ngành quản lý nhằm phản ánh chính xác, minh bạch các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, tránh trùng lặp và tạo thuận lợi cho việc thực hiện các quy định của pháp luật về vấn đề này; xác định rõ danh mục “loại trừ” về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (gồm cả những ngành nghề theo Biểu cam kết của Việt Nam trong WTO và các điều ước quốc tế khác) nhằm bảo đảm tính minh bạch trong việc áp dụng pháp luật” (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2014, 2). Trên cơ sở nguyên tắc nêu trên, Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 của Luật Đầu tư 2014 gồm 267 ngành, nghề.

Thứ ba, thu hẹp diện dự án phải xem xét trong thời hạn 45 ngày để chuyển sang thực hiện chế độ đăng ký trong 15 ngày (Quốc hội, 2014, Điều 37). Với mục tiêu cải cách thủ tục hành chính, Luật Đầu tư 2014 còn bổ sung, hoàn thiện một số quy định nhằm nâng cao trách nhiệm của nhà đầu tư, nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện dự án đầu tư, như: quy định về bảo đảm thực hiện dự án của nhà đầu tư dưới hình thức như ký quỹ, giám định chất lượng máy móc, thiết bị nhập khẩu để thực hiện dự án, giãn tiến độ đầu tư... (Lê Anh, 2015).

Thứ tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đăng ký, cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài. Cải cách này của luật đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý công tác đầu tư của cơ quan quản lý Nhà nước, như: rút ngắn thời gian xử lý thông tin, thời gian chờ đợi của nhà đầu tư thông qua thực hiện cấp đăng ký kinh doanh trên mạng. Đồng thời, tăng độ chính xác cho công tác tham mưu, giảm khối lượng giấy tờ hành chính...

Thứ năm, điều chỉnh thẩm quyền cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư từ ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sang sở Kế hoạch và đầu tư; bổ sung quy định về trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và ban quản lý khu công nghiệp đối với dự án nằm ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. Điểm mới của nội dung này là chuẩn hóa, đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với một số dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Quách Ngọc Tuấn, 2014). Với quy định nêu trên, cơ quan quản lý đầu tư thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư. Đồng thời, cơ quan này xem xét thẩm tra nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, hoàn thiện quy định về chế độ báo cáo đầu tư, giám sát, đánh giá hoạt động đầu tư.

3. Tác động của cải cách thủ tục đầu tư đến việc thu hút nguồn vốn FDI tại Việt Nam

3.1. Tình hình thu hút nguồn vốn FDI tại Việt Nam hiện nay

Kinh tế thế giới có dấu hiệu hồi phục mạnh mẽ kể từ năm 2010, tuy nhiên mức hồi phục không thuộc sự rõ ràng và vững chắc. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu như vậy, tăng trưởng kinh tế Việt Nam hạ xuống mức thấp nhất trong thập niên gần đây trong năm 2012 và đến năm 2014 GDP đạt 5,98% và mục tiêu GDP năm 2015 là 6,2% (Theo số liệu tại bảng 1).

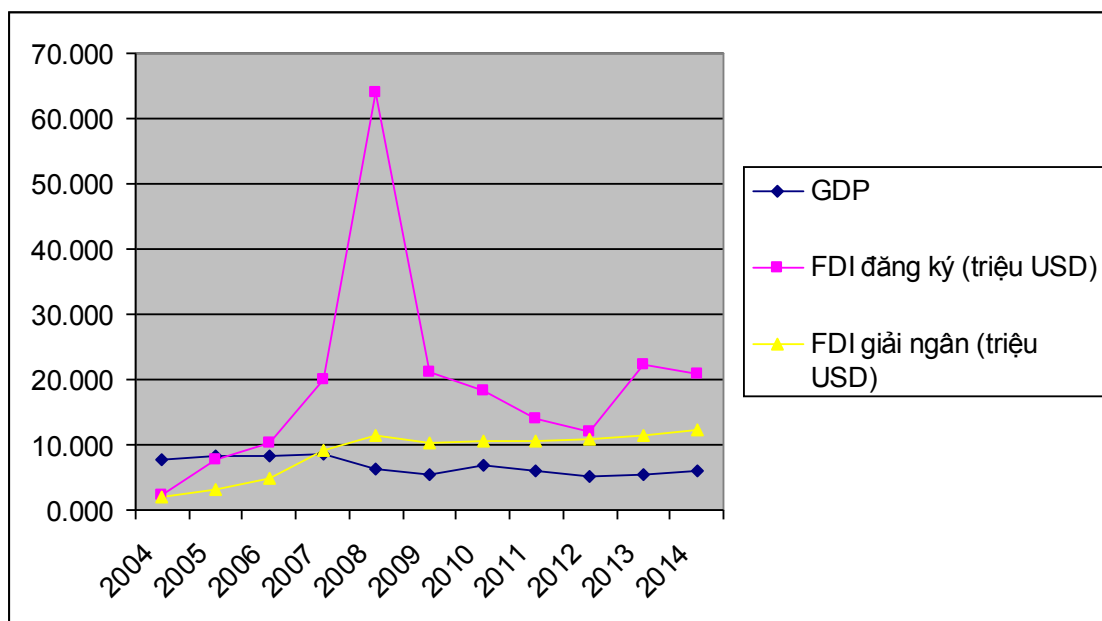
Thế nhưng, sự phục hồi kinh tế chưa thực sự vững chắc khi tăng trưởng chủ yếu dựa vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), đặc biệt là tăng trưởng xuất khẩu. Số liệu Hình 1 cho thấy, trong giai đoạn 2004-2014, dòng vốn FDI vào Việt Nam có xu hướng tăng đều trong dài hạn và biến động nhỏ trong ngắn hạn. Diễn hình là lượng vốn đăng ký và vốn giải ngân FDI tăng lên đáng kể. Lượng vốn giải ngân tăng với tốc độ chậm hơn nên tỷ số vốn giải ngân/vốn đăng ký có xu hướng giảm. Năm 2008, lượng vốn FDI tăng lên đáng kể, phản ánh tình hình tăng trưởng mạnh của nền kinh tế thế giới cũng như

Bảng 1: Tình hình kinh tế và thu hút FDI tại Việt Nam trong giai đoạn 2004-2014

Chỉ tiêu	2013	2014	Mục tiêu 2015
GDP (%)	5.42%	5.98%	6.2%
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	15.4%	13.5%	10%
CPI (%)	6.6%	4.09%	5%
FDI (vốn đăng ký- tỷ US\$)	22.35	20.23	20
FDI (vốn giải ngân- tỷ US\$)	11.5	12.35	12.5-13

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài (FIA) - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2015

Hình 1: Tình hình kinh tế và thu hút FDI tại Việt Nam trong giai đoạn 2004-2014



Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài (FIA) - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2015

mối quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài khi Việt Nam chính thức là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007.

Tuy nhiên, kinh tế thế giới suy giảm nặng nề do khủng hoảng tài chính vào cuối năm 2008 dẫn đến việc hầu hết các dự án trên bị rút vốn hoặc chậm triển khai. Tỷ lệ vốn FDI giải ngân vào cuối năm 2008 ở mức thấp và vì vậy các hoạt động thu hút FDI trong giai đoạn 2009-2014 bị chậm lại mặc dù vẫn giữ nguyên và có xu hướng tăng cao từ giai đoạn 2013 đến 2015 với tổng số vốn FDI giải ngân khoảng 12.013 tỷ USD (Phùng Ngọc Tùng, 2015).

3.2. Đánh giá việc thu hút nguồn vốn FDI qua các giai đoạn cải cách thủ tục đầu tư

Từ sau khi thực hiện chính sách “Đổi mới” năm 1986 và đặc biệt trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế những năm đầu thập niên 1990, Việt Nam trở thành điểm thu hút FDI khá hấp dẫn. Trong mối quan hệ giữa cải cách thể chế môi trường đầu tư với việc thu hút nguồn vốn FDI được thể hiện rõ ràng qua chính sách của Đảng và Nhà nước về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh qua những điều chỉnh, đổi mới trong pháp luật doanh nghiệp, pháp luật đầu tư và pháp luật chuyên ngành.

Thông qua số liệu Hình 1, có thể thấy số lượng vốn FDI (Vốn giải ngân FDI, vốn đăng ký FDI) và việc cải cách hệ thống pháp luật nhằm thu hút nguồn vốn từ nước ngoài qua các giai đoạn như sau:

- Giai đoạn làn sóng FDI thứ 2 (2005-2008): giai đoạn này, việc Việt Nam ban hành Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp mới vào năm 2005 và chính thức trở thành thành viên Tổ chức thương mại thế giới (WTO) năm 2007 đã giúp dòng vốn FDI có tốc độ tăng nhanh nhất, đạt 9,9% so với khu vực trong nước. Nhưng tốc độ tăng trưởng có tính ổn định không cao do tác động của các cú sốc khó lường trên thế giới và cuộc khủng hoảng kinh tế và suy thoái toàn cầu.

- Giai đoạn dòng vốn FDI ổn định (2009-2014): Trong khoảng thời gian từ 2009-2012 dòng vốn FDI có một chút suy giảm nhưng từ năm 2012 và 2013 đã ổn định hơn, thể hiện qua việc nguồn vốn FDI đăng ký đạt 20 tỷ USD. Từ năm 2010 đến nay, khu vực FDI tiếp tục có tốc độ tăng trưởng và phát triển vững chắc hơn. Bởi vì khu vực này có các nhà đầu tư có sự điều chỉnh chính sách, chiến lược kinh doanh và các biện pháp thực thi linh hoạt thích ứng với điều kiện và bối cảnh mới của quốc tế và tình

hình trong nước. Cũng trong giai đoạn này Việt Nam đã ban hành Luật Doanh nghiệp sửa đổi, Luật Đầu tư sửa đổi vào tháng 10-2014, tham gia đàm phán và tiến tới ký kết các điều ước quốc tế như Hiệp định TPP, đàm phán ký kết FTA Việt Nam-EU, FTA Việt Nam- Hàn Quốc...

Việc Luật Đầu tư 2014 có những quy định cải cách về thủ tục thu hút đầu tư đã góp phần dự báo về triển vọng môi trường đầu tư trong năm 2016 cũng như các năm tiếp theo về việc cải cách thể chế kinh doanh, thủ tục hành chính,... Đặc biệt hơn, Luật Đầu tư 2014 đã giúp cho việc thu hút nguồn vốn FDI đi vào giai đoạn ổn định hơn so với giai đoạn thu hút làn sóng vốn FDI (từ năm 2005-2008) do những cải cách của Luật này đã xóa bỏ phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư nước ngoài, tạo nhiều thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài trong việc đăng ký, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

4. Một số vướng mắc tồn tại và khuyến nghị hoàn thiện

4.1. Một số vướng mắc tồn tại

Luật Đầu tư 2014 mặc dù có những cải cách đáng kể về cải thiện thủ tục đầu tư nhằm đảm bảo pháp luật về đầu tư, kinh doanh phù hợp với những nội dung thể hiện cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), chấp nhận tham gia trong quá trình đàm phán, ký kết gia nhập Hiệp định TPP nhưng vẫn còn một số vướng mắc về thủ tục đăng ký đầu tư, đăng ký kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài như:

+ Giấy chứng nhận đầu tư không có đầy đủ thông tin về đăng ký kinh doanh dẫn đến việc thiếu thông tin khi chuyển đổi dữ liệu;

+ Sự phối hợp giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan đầu tư khi việc điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dẫn đến điều chỉnh nội dung dự án hoặc ngược lại như đối với doanh nghiệp hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư, đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Chưa giải quyết triệt để được vấn đề tư cách của nhà đầu tư nước ngoài.

4.2. Một số khuyến nghị hoàn thiện

4.2.1. Một số khuyến nghị hoàn thiện quy định về đầu tư

+ Đối với những vướng mắc về thủ tục đăng ký đầu tư cần có quy định về thời hạn thực hiện đăng ký kinh doanh sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư và trình tự trao đổi thông tin giữa cơ quan

đầu tư và cơ quan kinh doanh, cách thức xử lý nếu chủ dự án thành lập nhiều doanh nghiệp để thực hiện dự án.

+ Luật Đầu tư 2014 quy định vấn đề tư cách nhà đầu tư nước ngoài một cách không rõ ràng (Trần Thanh Tùng, 2014). Luật chia nhà đầu tư nước ngoài thành ba nhóm: (1) nhà đầu tư có quốc tịch nước ngoài, (2) doanh nghiệp Việt Nam có 51% vốn nước ngoài và (3) doanh nghiệp Việt Nam có dưới 51% vốn nước ngoài. Theo đó, nhóm (1) và (2) bị áp dụng các điều kiện như nhà đầu tư nước ngoài về ngành nghề đầu tư cũng như thủ tục đầu tư. Còn với nhóm (3) thì áp dụng với điều kiện và thủ tục như nhà đầu tư trong nước (Chính phủ, 2014). Vì vậy, sẽ có sự phân biệt về thủ tục áp dụng với một doanh nghiệp có 51% vốn nước ngoài và một doanh nghiệp có 50,9% vốn nước ngoài. Do đó, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư 2014 nên có quy định cụ thể về cách xác định tư cách nhà đầu tư nước ngoài là theo tiêu chí quốc tịch hay theo vốn.

4.2.2. Một số khuyến nghị về thu hút nguồn vốn FDI

+ Về mặt cơ chế chính sách:

- Cần có chính sách và thể chế hướng tới củng cố và nâng cao trách nhiệm của bộ máy quản lý nhà nước về FDI khi thực thi các định hướng luật pháp, chính sách đã ban hành. Thực tiễn hoạt động FDI vừa qua cho thấy, bên cạnh các dự án đáp ứng được tiêu chuẩn về công nghệ cao, vẫn còn nhiều dự án FDI công nghệ chưa đáp ứng được cấp phép vào Việt Nam gây nên nhiều tác động xấu về môi trường, cũng như về chất lượng uy tín hàng hóa, sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam và nó đã làm xấu đi hình ảnh của môi trường đầu tư Việt Nam trên thương trường quốc tế. Giải pháp để tránh vấn đề nêu trên là xác định trách nhiệm của cán bộ trong hệ thống quản lý nhà nước về FDI là quan trọng. Nếu các cán bộ làm việc với đúng chức trách và tinh thần trách nhiệm cao thì sẽ giúp làm giảm bớt rào cản về thủ tục hành chính đồng thời phát hiện, ngăn chặn các dự án không phù hợp. Nếu như vậy thì dòng vốn FDI sẽ chảy vào Việt Nam đều và mạnh hơn.

Hơn nữa, cần xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao cho lập, xây dựng và đánh giá các dự án đầu tư cũng như hoạt động trong khu vực FDI (Đỗ Đức Bình, 2014). Thế nhưng, cùng với việc bồi dưỡng, đào tạo để có đội ngũ nguồn nhân lực có tính chuyên biệt, là các chuyên gia thì nên có cơ chế, chính sách mời gọi, tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ tương xứng với công sức, năng lực, hiệu quả công

việc mà họ đã làm.

- Báo cáo xếp hạng môi trường kinh doanh do Ngân hàng Thế giới (WB) công bố đã chỉ rõ cơ chế bảo hộ nhà đầu tư là một trong những vấn đề mà Việt Nam cần quan tâm cải thiện nhằm tiếp tục tạo dựng môi trường đầu tư an toàn, tin cậy, có sức hấp dẫn, cạnh tranh cao hơn so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Trong bảng xếp hạng của WB về môi trường kinh doanh toàn cầu công bố ngày 29/10/2013, Việt Nam được xếp hạng thứ 99 trên 198 nền kinh tế (World Bank, 2013). Ngân hàng thế giới nhận định thứ hạng của Việt Nam không thay đổi mặc dù từ năm 2005 đến nay đã thực hiện 21 cải cách, nhiều nhất khu vực Đông Á-Thái Bình Dương (Chính phủ, 2014). Bên cạnh đó, theo Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), VCCI (2014 và 2015) thông báo về Báo cáo chỉ số đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động xây dựng, thi hành pháp luật về kinh doanh của các bộ trong năm 2014 cũng đã cung cấp các số liệu xếp hạng các tỉnh về tính minh bạch trong khả năng tiếp cận văn bản quy phạm pháp luật và tình hình phổ biến thông tin pháp luật ở các bộ, ngành. Do đó, để thu hút được nguồn vốn FDI từ các tập đoàn hàng đầu thế giới cần bảo đảm tính minh bạch, công khai, ổn định của hệ thống pháp luật, trong đó có Luật Đầu tư.

Cùng với đó, cần tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc gia nhập và rút lui khỏi thị trường, khắc phục đến mức thấp nhất sự thiếu đồng bộ, không nhất quán xung đột giữa các luật chuyên ngành liên quan đến đầu tư. Cần giảm các thủ tục phiền hà, những rào cản đối với nhà đầu tư về cách tiếp cận các nguồn vốn, thủ tục hải quan, thuế... để tạo động lực cho sự phát triển cũng như thu hút được các nguồn lực vốn, công nghệ cao từ nước ngoài.

+ Trong thời gian qua, mặc dù đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát từ các cơ quan bộ ngành, công tác xúc tiến đầu tư vẫn còn nhiều hạn chế, tồn tại như sau: các hoạt động xúc tiến đầu tư còn chưa tập trung, dàn trải và chồng chéo, phân tán nguồn lực chưa tập trung vào các đối tác, lĩnh vực trọng điểm, sự phối hợp giữa các sở, ngành còn thiếu kết dính nên chưa cung cấp được đầy đủ thông tin cũng như thông tin chưa nhất quán. Do đó, cần có cải cách mạnh mẽ, đổi mới cơ bản trong phương thức xúc tiến đầu tư theo hướng bố trí các nguồn lực để xúc tiến đầu tư theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực, theo vùng miền để tận dụng tối đa các tiềm năng thế mạnh và giảm thiểu đầu tư theo phong trào. Trong quá

trình xúc tiến đầu tư nước ngoài, cần nhấn mạnh đến hướng thu hút đầu tư nước ngoài vào phục vụ tăng trưởng bền vững, các dự án cần thu hút đầu tư hướng đến mục tiêu vì con người, thân thiện với môi trường. Bộ Kế hoạch và đầu tư cần phối hợp với các bộ ban ngành triển khai một số giải pháp như sau: tổ chức các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc giữa Chính phủ với các doanh nghiệp FDI để giải quyết các bất cập trong quá trình họ đầu tư kinh doanh tại Việt Nam nhằm

phát hiện, xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các dự án đang hoạt động, đảm bảo các dự án hoạt động có hiệu quả, đúng tiến độ; Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ bằng cách tổ chức các hội chợ triển lãm quảng cáo, tham quan khảo sát để giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài có cơ hội tìm hiểu về môi trường kinh doanh và tiếp xúc với các doanh nghiệp Việt Nam. □

Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2014), *Báo cáo đánh giá tác động của Dự thảo Luật Đầu tư (sửa đổi)*, Hà Nội.

Đỗ Đức Bình (2014), ‘Một số ý kiến về đổi mới chính sách thu hút FDI nhằm tạo thêm động lực mới cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam’, *Hội thảo ‘Khơi thông nguồn vốn cho phát triển kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hiện nay’*, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 216-222.

Đỗ Nhất Hoàng (2015), ‘Môi trường đầu tư nước ngoài tại Việt Nam’, *Tọa đàm chuyên đề với doanh nghiệp Hàn Quốc*, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2015.

Lê Anh (2015), *Triển khai điểm mới trong Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư*, truy cập lần cuối ngày 14 tháng 10 năm 2015, từ <<http://tphcm.chinhphu.vn/trien-khai-diem-moi-trong-luat-dau-tu-va-luat-doanh-nghiep>>.

Phùng Ngọc Tùng (2015), ‘An ninh tài chính trong bối cảnh hội nhập từ thực trạng thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài tại Việt Nam’, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “An ninh tài chính tiền tệ Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa”*, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 505-512.

Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2014.

Quốc hội (2014), *Luật Đầu tư*, ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2015.

Quách Ngọc Tuấn (2014), *Những nội dung mới của Luật Đầu tư năm 2014*, Cổng thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia, truy cập lần cuối ngày 16 tháng 10 năm 2015, từ <<https://dangkykinhdoanh.gov.vn/NewsandUpdates/tabid/91/ArticleID/1780/Nh%E1%BB%AFng-n%E1%BB%99i-dung-m%E1%BB%9Bic%E1%BB%A7a-Lu%E1%BA%ADt-%C4%90%E1%BA%A7u-t%C6%B0-n%C4%83m-2014.aspx>>.

Trần Thanh Tùng (2014), *Luật Đầu tư 2014- tiến và lùi*, Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online, truy cập ngày 11/10/2015, từ <<http://www.thesaigontimes.vn/123787/Luat-Dau-tu-2014---tien-va-lui.html>>.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2014), *Báo cáo tiếp thu, chỉnh lý, giải trình dự án Luật Đầu tư (sửa đổi)*, ban hành ngày 4 tháng 11 năm 2014.

VCCI (2014), *Bộ chỉ số liên quan đến hiệu quả xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh của các Bộ trong năm 2014 (MEI 2014)*, thông cáo báo chí, ngày 22 tháng 6 năm 2014, Hà Nội.

VCCI (2015), *PCI 2014 Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam năm 2014*, Hà Nội.

World Bank (2013), *Việt Nam đứng thứ 99 về xếp hạng môi trường kinh doanh*, truy cập lần cuối ngày 18 tháng 11 năm 2015, từ <<http://www.worldbank.org/vi/news/press-release/2013/10/29/vietnam-ranks-99th-for-ease-of-doing-business-in-new-report>>.

Thông tin tác giả:

***Phùng Ngọc Tùng**, Thạc sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Luật, Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Luật thương mại, Luật kinh tế, Kinh tế học thể chế

- Địa chỉ Email: phungngoctung@gmail.com;